

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9- 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Hà Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông Lê Tấn T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Ông Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng năm 2008, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Btheo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 17/7/2014. Quá trình chung sống có hai người con chung là cháu Lê Quang M sinh ngày 22/5/2012 đang sống với ông T và cháu Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 07/4/2010 đang sống với chị V.

T sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân ông T yêu cầu ly hôn với chị V là do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với chị V. Về con chung, ông T yêu cầu nuôi cháu Minh, đồng ý giao cháu A cho chị V nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị V không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập chị V đến Tòa án làm việc nhưng chị V không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng chị V không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bphát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Tấn T đối với chị Nguyễn Thị V. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Minh cho ông T tiếp tục nuôi dạy, giáo dục; giao cháu An cho chị V tiếp tục nuôi dạy, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T và chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về T sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 15 tháng 4 năm 2022, ông Lê Tấn T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị V. Chị V có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp Nguyễn Đ, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông T và chị V theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông T và chị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 17/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh B cấp nên hôn nhân giữa ông T và chị V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Ông T xác định trong thời gian chung sống, giữa ông T và chị V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây cãi. Năm 2017, ông T và chị V thỏa thuận giao cháu M cho ông T nuôi, giao cháu A cho chị V nuôi, đồng thời ông T và chị V chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu ly hôn với chị V. Phía chị V được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị V không đến Tòa án làm việc nên chị V không có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai ông T phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Ngọc L là cha ruột chị V. Ông Lợi xác định, quá trình chung sống, ông T và chị V có mâu thuẫn và chị V đã bỏ về nhà ông Lợi sinh sống khoảng 10 năm nay. Vào năm 2017, ông T và chị V thống nhất ly thân và thỏa thuận việc chăm sóc con, giao cháu Minh cho ông T nuôi, giao cháu An cho chị V nuôi có sự chứng kiến của cha mẹ gia đình hai bên. Việc ông T nộp đơn ly hôn, ông Lợi có nói cho chị V biết (vì chị V thường xuyên điện thoại về gia đình) và chị V đồng ý ly hôn, nhưng chị V bận đi làm không về ký giấy được.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa ông T và chị V không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, ông T và chị V đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Ông T không còn tình cảm với chị V, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T yêu cầu được ly hôn với chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với chị V.

[4]. Về con chung: Ông T và chị V có hai người con chung là cháu Lê Quang M sinh ngày 22/5/2012 đang sống với ông T và cháu Lê Thị Mỹ A, sinh năm ngày 07/4/2010 đang sống với chị V. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông T yêu cầu nuôi cháu Minh và giao cháu An cho chị V nuôi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, chăm sóc, nuôi dạy cháu M và cháu A, do cháu M đang sống cùng ông T, cháu A đang sống cùng chị V; đồng thời cháu Minh có nguyện vọng sống với ông T, cháu A có nguyện vọng sống với chị V nên cần tiếp tục giao cháu M cho ông T tiếp tục nuôi dạy; giao cháu An cho chị V tiếp tục nuôi dạy. Ông T không trực tiếp nuôi cháu A, chị V không trực tiếp nuôi cháu M có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, ông T và chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về T sản chung, nợ chung: Ông T xác định, vợ chồng ông T chung sống không có tạo lập T sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000997 ngày 27 tháng 4 năm 2022 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lê Tấn T đối với chị Nguyễn Thị V.

**2.** Về con chung: Giao cháu Lê Quang M sinh ngày 22/5/2012 cho ông Lê Tấn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thị Mỹ A, sinh năm ngày 07/4/2010 cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hiện cháu M đang sống cùng ông T, cháu A đang sống cùng chị V. Ông T không trực tiếp nuôi cháu An, chị V không trực tiếp nuôi cháu Minh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về T sản chung và nợ chung: Không có T sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000997 ngày 27 tháng 4 năm 2022 được chuyển thu án phí.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H
- huyện V, tỉnh Bạc L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thụy Lan Chi**